**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

*Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người. Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường  tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, “đau với nỗi đau của người khác”... Và lòng nhân ái của các em Trường Quốc tế Global đã được hình thành như thế.*

*Lòng nhân ái là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS và thực tế, lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người. Các hoạt động từ thiện đã và đang diễn ra tại Trường Quốc tế Global đã góp phần giúp các em học sinh xây dựng tính cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, sẻ chia và giúp đỡ mọi người khi khó khăn hoạn nạn; phát triển toàn diện tri thức và đạo đức để trở thành những công dân ưu tú, có ích cho xã hội, gìn giữ được bản sắc văn hóa Việt Nam.*

(Trích*Dạy trẻ lòng nhân ái ở trường quốc tế Global -* Theo *Dân trí*, ngày 14/02/2015)

Giải

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Trả lời : Phương thức biểu đạt chính là : Nghị luận

Câu 2: Theo tác giả, lòng nhân ái có được là do đâu?

Trả lời : Theo tác giả: Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, đau với nỗi đau của người khác.

Câu 3: Anh/Chị có đồng ý với quan niệm: *Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người* không? Vì sao?

Trả lời : Bởi vì: Lòng nhân ái là một phẩm chất đáng quý, là truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam. Ngày nay, một số người đã và đang dần đánh mất lòng nhân ái của mình đối với người khác. Họ chỉ quan tâm đến bản thân mà quên rằng lòng nhân ái cũng là một đức tính tốt và quan trọng của con người trong thời hiện đại. Đó là cơ sở, nền tảng vững chắc để hướng tới phát triển con người toàn diện và công dân ưu tú.

**Câu 4.** Anh/Chị có đồng ý với quan niệm: *Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người* không? Vì sao?

Trả lời : Nêu rõ quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình hoặc nửa đồng tình, nửa không đồng tình; lý giải hợp lý và thuyết phục. Dưới đây là một hướng giải quyết:

- Đồng ý với quan niệm.

- Vì: Lòng nhân ái là phẩm chất hàng đầu, là nền tảng đạo đức căn bản của con người. Mặt khác, lòng nhân ái còn thể hiện vẻ đẹp văn hóa của mỗi người khi bản thân họ tiếp nhận và trau dồi phẩm chất ấy từ truyền thống văn hóa dân tộc.

**II. LÀM VĂN(7,0 điểm)**

**Câu 1. *(2,0 điểm)***

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu,anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ)trình bày suy nghĩ của bản thân về *lòng nhân ái của con người trong cuộc sống*.

Trả lời : Bài Làm

**Câu 2. *(5,0 điểm)***

*Ngày tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.*

*Rượu tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi mà từ từ vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn vẫn lửng lơ bay ngoài đường.*

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi…

*Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt mấy đứa con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mị nói cả.*

*Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quấn lại tóc. Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi:*

*- Mày muốn đi chơi à?*

*Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong, A Sử thắt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi phẩy tay tắt đèn, đi ra khép cửa buồng lại.*

*Trong bóng tối, Mị đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn. Mị vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi. “Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào”... Mị vùng bước đi. Nhưng chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa...*

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, Tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.7)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

----- **HẾT** -----

Trả lời : Bài Làm

Nói như ông Phạm Xuân Nguyên ( Chủ tịch hội nhà văn Việt Nam. Tô Hoài là nhà văn lớn của văn học Việt Nam, người có 95 tuổi đời nhưng đã dành đến 70 năm để đóng góp cho văn học. Ông là nhà văn chuyên nghiệp, bền bỉ trong sáng tác. Có khối lượng tác phẩm đồ sộ. Một cây bút cần mẫn. Tập truyện Việt Bắc, 8 tháng Tô Hoài, con đẻ ưu tú nhất Vợ Chồng A Phủ. Tô Hoài tiêu biểu nhất trong thế kỉ XX, một trong số nhà văn tạo nên mùa gặt ngoạn mục của văn học Việt Nam. Tập truyện Việt Bắc, 8 tháng Tô Hoài, con đẻ ưu tú nhất là Vợ chồng A Phủ. Từ cuộc đời nhân vật Mị Tây Bắc đau thương, dũng cảm, đặc biệt là đoạn trích đêm tình mùa Xuân.

Sau Cách mạng, Tô Hoài được ghi nhận là một trong những cây bút khai phá một mảnh đất mới cho văn học cách mạng, đó là mảng văn học viết về miền núi Tây Bắc – một vùng đất xa xôi, hoang vu nơi địa đầu Tổ quốc. Tập “Truyện Tây Bắc” là vụ mùa thu hoạch từ chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Tô Hoài năm 1952. Trong số ba truyện ngắn được giải Nhất Giải thưởng của Hội Văn Nghệ Việt Nam 1954 – 1955, “Vợ chồng A Phủ” có lẽ là truyện ngắn đọng lại ấn tượng sâu sắc nhất. Tác phẩm đẹp không chỉ bởi một lối kể rất duyên, giàu chất thơ mà còn bởi một cái nhìn đầy mới mẻ về cuộc sống và con người miền núi Mị, người con gái đang tuổi thanh xuân, vì “cha mẹ ăn của bạc nhà giàu từ kiếp trước” nên kiếp này phải làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. Sa chân vào chốn nhà quan, bị đọa đày về thể xác lẫn tinh thần, Mị tìm đến cái chết. Nhưng vì thương cha, Mị không đành lòng mà tiếp tục về làm thân trâu kiếp ngựa. Mị cứ sống như thế, nếu không có đêm tình mùa xuân thì sự sống lại trong tâm hồn của Mị có lẽ sẽ bị dập tắt. Nhà văn đã đặt nhân vật của mình vào một không gian, thời gian thật “nhạy cảm” đối với lòng người: mùa xuân trên vùng núi cao. Cũng giống như mùa xuân trên mọi miền Tổ quốc, xuân về là khi đất trời khoác một tấm áo tươi mới, nõn nà, khi cây cối đâm chồi nảy lộc, khi lòng người cũng rạo rực với muôn vàn sợi tơ giăng mắc không gian, “Ái tình ghé môi gọi lời trong gió” (“Lệnh” – Xuân Diệu). Thiên nhiên rực rỡ, tươi tắn cùng với những hoạt động sinh hoạt, phong tục đậm màu sắc miền cao, náo nức là một nhân tố để khởi lên ngọn lửa trong lòng Mị. Nhưng để làm nên sự “nổi loạn” của một trái tim đã “hóa đá” còn cần đến những tác nhân khác. Đó là men rượu và tiếng sáo gọi bạn yêu, gọi bạn tình vào những đêm tình mùa xuân. “Ngày tết Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng”. Người con dâu gạt nợ tê dại vì đau khổ kia, vào cái đêm tình mùa xuân tha thiết ấy đã tìm đến men rượu để giải thoát sầu muộn. Cái cách Mị “uống ực từng bát” cũng rất lạ, uống mà như dốc cả men say, cả những cay đắng, khổ đau vào lòng. Men rượu say, hơi rượu nồng nàn giúp Mị quên hết đi những tháng ngày đắng cay hiện tại, quên đi cảnh người thì nhảy đồng, người thì hát ngay trước mặt, đồng thời đưa Mị về cõi nhớ: Mị nhớ đến những ngày tươi đẹp xa xưa, mùa xuân, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo: “Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”. Men rượu cũng dẫn Mị đến những hành động “nổi loạn” và liều lĩnh, Liều lĩnh với những quy tắc nhà Thống lí và với chính mình. Ngọn lửa sống tưởng như đã lụi tắt, giờ đây nhờ men cay của rượu, lại bùng cháy nồng nhiệt. Nhưng tác nhân đặc biệt nhất để khời dậy lòng ham sống và khát vọng hạnh phúc của Mị, đó là tiếng sáo gọi bạn yêu, gọi bạn tình. Tiếng sáo là biểu tượng đẹp đẽ nhất của mùa xuân và tuổi trẻ của tình yêu và hạnh phúc. Tiếng sáo trong cái đêm tình ấy cứ lôi cuốn, giục giã, gọi mời: “Mày có con trai, con gái rồi, Mày đi làm nương, Ta không có con trai con gái’’, Đưa vào tác phẩm những câu ca dao ngọt ngào tình tứ của vùng Tây Bắc, Tô Hoài đã tạo nên những trang văn xuôi giàu chất thơ, đậm đà chất trữ tình. Tiếng sáo làm rung động đến từng nhịp cảm xúc, từng nhịp điệu tâm hồn Mị. Lúc đầu, tiếng sáo “lấp ló (…) rủ bạn đi chơi” ngoài đầu núi, Mị “thiết tha bồi hồi (…) nhẩm thầm bài hát của người đang thổi”. Gần hơn, “tiếng sáo gọi bạn đầu làng”, Mị lại nhớ đến những đêm xuân trước, Mị “uốn lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo”. Từ tiếng sáo “lửng lơ bay ngoài đường”, tiếng sáo đã nhập hẳn vào tâm hồn Mị, “rập rờn” trong đầu Mị. Tiếng sáo chính là tác nhân quan trọng làm thức dậy khát vọng tình yêu và hạnh phúc mà dấu hiệu đầu tiên là sống lại với những kỉ niệm ngày trước.

Nhưng ngòi bút đầy bản lĩnh của Tô Hoài không dễ dàng và đơn giản đẩy tâm lí nhân vật theo một đường thẳng. Nhà văn để nhân vật của mình “ứng xử” theo logic vận động nội tại của chính nhân vật. Vậy nên, khi rượu đã tan, “người đi chơi đã vãn”, “Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà”. Tuy trong lòng đã phơi phới trở lại” nhưng “Mị không bước chân ra đường chơi mà Mị từ từ đi vào buồng”. Đó là bước chân của một thói quen, một định hướng vô thức bởi Mị biết “chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết”. Dường như trong nhân vật có sự giằng co giữa lòng ham sống và cảm thức thân phận. Sức sống đã được đánh thức, trỗi dậy nhưng lại bị ngăn bởi thân phận. Đi vào buồng, Mị ngồi nhìn lên “cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng”. Trong người phụ nữ ấy dội lên nỗi đau thân phận và cảm giác xót xa, tê tái. “Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa”. Lúc này, ý thức về sự sống. lòng khát khao hạnh phúc đã thức dậy, không cho phép con người sống một cách tẻ nhạt và vô nghĩa nữa. Mị thấy “Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi”. Bi kịch của Mị nảy sinh từ trạng thái bất hòa, mâu thuẫn giữa khát vọng đẹp đẽ và thực tại đen tối còn bản thân mình nhận thức sâu sắc được suy nghĩ bất lực của mình trước hoàn cảnh.

Sức sống của Mị trỗi dậy bởi tiếng sáo gọi mời thiết tha mà ám ảnh kia. Đến lúc này, Mị như không còn biết đến bước chân của A Sử, không nghe thấy A Sử hỏi. Mị hành động như người trong mơ: “Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng” rồi “Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách”. Đó là hành động với con người thật của mình, với sự thôi thúc mãnh liệt: “Mị muốn đi chơi, Mị sắp đi chơi”. Ánh sáng của ngọn nến Mị thắp lên xua tan cái tăm tối, lạnh lẽo của căn buồng hay cũng chính là ánh sáng của khát vọng được yêu, được sống? Người đọc bất ngờ trước những hành động nhanh, liên tiếp như trong vô thức của Mị rồi lại nhận ra lí do rất tự nhiên, tất yếu của nó: lòng ham sống được thức tỉnh đã chiếm lấy tâm hồn Mị. Không còn cô Mị lầm lũi, cam chịu trong thân phận dâu gạt nợ nữa mà là một cô Mị ý thức được sự sống và hành động vì hạnh phúc của mình. Ngòi bút Tô Hoài dường như “xuất thần”, nhập hẳn vào thế giới tâm hồn tinh vi, sâu kín của nhân vạt, làm sống dậy những trạng thái tâm lí phức tạp, huyền diệu nhất. Bị A Sử trói đứng ở cột nhà, Mị dường như vẫn không biết. Trong “hơi rượu nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi”. Chỉ đến khi Mị “Vùng bước đi”, chân tay đau thít lại, nghe tiếng chuông ngựa đạp vào vách thì thực tại mới hiện hữu, “Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa”. Nhưng hơi rượu vẫn lan tỏa nồng nàn, tiếng sáo vẫn thiết tha, Mị sống trong trạng thái “lúc tỉnh lúc mê”, trong sự giằng co giữa khát vọng sống và thân phận trâu ngựa. Lòng khát sống trong con người đã bị dập tắt phũ phàng nhưng vẫn để lại những dư âm trong tâm hồn.

Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những con người bị vào đường cùng, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và bị đọa đày đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực’’.(Nguyễn Minh Châu). Với hình tượng nhân vật Mị trong tác phẩm ‘’ vợ chồng A Phủ’’, nhà văn Tô Hoài đã thực hiện trọn vẹn sứ mệnh ấy khi mang đến cho người đọc một hình tượng nghệ thuật với biết bao vẻ đẹp – nhất là sức sống tiềm tang mạnh liệt mà không thế lực nào có thể dập tắt được.

**Đề 2**

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Bản lĩnh là khi bạn dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt. Muốn có bản lĩnh bạn cũng phải kiên trì luyện tập. Chúng ta thường yêu thích những người có bản lĩnh sống. Bản lĩnh đúng nghĩa chỉ có được khi bạn biết đặt ra mục tiêu và phương pháp để đạt được mục tiêu đó. Nếu không có phương pháp thì cũng giống như bạn đang nhắm mắt chạy trên con đường có nhiều ổ gà.

Cách thức ở đây cũng rất đơn giản. Đầu tiên, bạn phải xác định được hoàn cảnh và môi trường để bản lĩnh được thể hiện đúng lúc, đúng nơi, không tùy tiện. Thứ hai bạn phải chuẩn bị cho mình những tài sản bổ trợ như sự tự tin, ý chí, nghị lực, quyết tâm... Điều thứ ba vô cùng quan trọng chính là khả năng của bạn. Đó là những kỹ năng đã được trau dồi cùng với vốn tri thức, trải nghiệm. Một người mạnh hay yếu quan trọng là tùy thuộc vào yếu tố này.

Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh. Khi xây dựng được bản lĩnh, bạn không chỉ thể hiện được bản thân mình mà còn được nhiều người thừa nhận và yêu mến hơn.

(Trích Xây dựng bản lĩnh cá nhân, John C. Maxwell,

NXB Lao động - Xã hội, 2015, tr. 97)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Trả lời : Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2. Theo tác giả, thế nào là người bản lĩnh?

Trả lời : Theo tác giả, người có bản lĩnh là người dám nghĩ, dám làm và có thái độ sống tốt.

Câu 3. Theo anh/chị, mỗi người cần làm thế nào để rèn luyện bản lĩnh sống?

Trả lời : Để rèn luyện bản lĩnh sống, mỗi người:

- Phải trau dồi tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng;

- Phải dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm;

- Phải có ý chí, quyết tâm, nghị lực;

- Phải có chính kiến riêng trong mọi vấn đề;

- Dám đương đầu với mọi thử thách để đạt điều mong muốn.

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với nhận định của tác giả Bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh?

Trả lời : - Bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần

- Lí giải:

+ *Nếu đồng tình*, có thể lí giải theo hướng sự: Người có bản lĩnh tốt là vừa phục vụ được mục đích cá nhân vừa có được sự hài lòng từ những người xung quanh. Khi một cá nhân chỉ biết mục đích phục vụ cá nhân mình, không quan tâm đến những người xung quanh, thậm chí làm phương hại đến xã hội thì không ai thừa nhận là người có bản lĩnh...

*+ Nếu không đồng tình*, có thể lí giải ngược lại...

+ Nếu *đồng tình một phần*, có thể kết hợp hai hướng trên để lí giải.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến: Tuổi trẻ cần sống có bản lĩnh để dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách.

Bài Làm

Câu 2. (5,0 điểm)

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao cơ sự, vừa ai oán xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

Bà lão khẽ thở dài ngửng lên, đăm đăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà lão nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn

phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được ?

Bà lão khẽ hắng dặng một tiếng, nhẹ nhàng nói với “nàng dâu mới”:

- Ừ, thôi các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái, ngực hắn nhẹ hẳn đi. Hắn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

- Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

(Trích Vợ nhặt, Kim Lân, Ngữ văn 12, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 28-29)

Cảm nhận của anh/chị về tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về cách nhìn nhận cuộc sống và con người của nhà văn Kim Lân trong tác phẩm Vợ nhặt.

Bài làm

Ngòi bút Kim Lân tưởng như đùa như khóc đói quắt quay nhưng tha thiết con người. Chỉ với bốn câu thơ thôi nhưng cũng đủ để gợi lên trong chúng ta thật nhiều suy nghĩ về truyện ngắn “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân – cây bút chuyên hướng ngòi bút truyện ngắn của mình về cuộc sống và người dân quê. Và để rồi, khi đọc truyện ngắn “Vợ nhặt”, người đọc sẽ  đồng cảm với số phận, cảnh ngộ và trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trong nạn đói năm 1945 và một trong số đó chính là nhân vật bà cụ Tứ.

Chắc hẳn, khi đọc truyện ngắn “Vợ nhặt” điều đầu tiên khiến người đọc tiếp xúc với bà cụ Tứ đó chính là ở dáng người lọng không với tiếng “húng hắng ho”, “vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng”. Bà sống cùng người con trai là người dân của xóm ngụ cư, sống cùng nhau trong một căn nhà tối tàn, “vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”. Nhưng có lẽ, điều để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về bà cụ Tứ không phải ở ngoại hình nhân vật, ở hoàn cảnh sống của bà mà ở chính những diễn biến tâm trạng, những cung bậc cảm xúc của bà. những ai đã đọc truyện ngắn Vợ nhặt của Kim Lân sẽ không thể nào quên được bối cảnh khủng khiếp của nạn đói năm 1945 – người chết nằm ngổn ngang khắp lều chợ, không khí vẩn lên mùi ẩm thối, âm thanh của tiếng quạ kêu, của tiếng người khóc hờ trong đêm và hình ảnh của những người sống dắt díu nhau , xanh xám, trông như những bóng ma. Ấy vậy mà, giữa cái bối cảnh thê lương, u ám, tối tăm ấy, Tràng – một người dân xóm ngụ cư xấu xí lại nhặt được vợ. Và buổi chiều hôm ấy, khi bà cụ Tứ về đến nhà thì bỗng thấy người đàn bà lạ xuất hiện trong ngôi nhà của mình và Tràng – con trai bà giới thiệu rằng thị là vợ Tràng, là con dâu của bà. Chính sự kiện này là yếu tố ngoại cảnh tác động và làm nảy sinh những diễn biến tâm lí, những cung bậc cảm xúc phức tạp của bà cụ Tứ.

Đầu tiên đó chính là sự ngạc nhiên, “quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu”. Có lẽ, sự ngạc nhiên đã được thể hiện một cách chân thực và rõ nét qua hàng loạt câu hỏi liên tiếp của bà cụ Tứ trong một đoạn văn rất ngắn “Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u?…Ai thế nhỉ?” Những câu hỏi ấy của bà cụ Tứ không phải để kiếm tìm một câu trả lời mà hơn hết nó dùng để thể hiện sự ngạc nhiên đến tột cùng của bà cụ Tứ. Sự ngạc nhiên ấy của bà không phải vì bà thực sự không hiểu chuyện gì đang xảy ra mà bởi tất cả mọi thứ đến quá nhanh, quá đột ngột, việc Tràng có vợ đối với bà là một điều xa vời với bà nên khiến bà không thể tin nổi đấy là sự thật.

Từ sự ngạc nhiên, “tỏ ý không hiểu ấy” bà cụ Tứ dần hiểu và “lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự”. Lòng người mẹ ấy “vừa ai oán, vừa xót thương cho số kiếp đứa con trai mình”. Nỗi lòng người mẹ ấy thật đáng thương biết bao “Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên, làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt mày sau này. Còn mình thì…” Một câu văn được bỏ lửng giữa chừng nhưng đã mở ra trong lòng người đọc biết bao nỗi niềm, bao cơ sự, bao nỗi ngổn ngang, rối bời trong lòng người mẹ ấy. Có lẽ, bà đang tự trách chính bản thân mình vì đã không lo nổi cho con có cuộc sống như bao người. Và rồi, bà khóc “Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt… Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cái cơn đói khát này không.” Những giọt nước mắt trên gương mặt khắc khổ ấy của bà cụ Tứ là giọt nước mắt của lòng thương con, lo lắng cho con và cả sự tủi thân vì bà không làm trong trách nhiệm, bổn phận của một người mẹ nhưng đồng thời, đó còn là giọt nước mắt, là tiếng khóc của niềm vui, của sự hạnh phúc khi con trai bà đã có vợ.

Đồng thời, đằng sau giọt nước mắt của cả niềm vui và nỗi buồn trộn lẫn vào nhau ấy, bà cụ Tứ mở lòng, vui vẻ chấp nhận nàng dâu mới với tấm lòng yêu thương, cảm thông. Bà nói với “nàng dâu mới” bằng cái giọng nhẹ nhàng “Thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng…” Với bà cụ Tứ, cuộc hôn nhân của Tràng và thị cũng đẹp đẽ, cũng đáng trân trọng như những cuộc hôn nhân khác bởi lẽ cuộc hôn nhân nào cũng bắt nguồn từ cái duyên, cái phận với nhau. Dường như, ở đây, bà cụ Tứ không chọn điểm nhìn của người mẹ chồng dành cho nàng dâu mà bà lựa chọn điểm nhìn của những con người cùng chung cảnh ngộ, cùng chung số phận để thấu hiểu, để cảm thông. Chính những điều đó đã cho chúng ta thấy, bà cụ Tứ không chỉ là người yêu thương con, luôn dành cho con tình yêu thương vô bờ bến mà bà còn có tình người, lòng yêu thương với những người nghèo khổ. Đặc biệt, tâm trạng bà cụ Tứ đã có nhiều thay đổi, vui vẻ và rạng rỡ hơn trong buổi sáng hôm sau – “Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên”. Giờ đây, niềm hạnh phúc, vui sướng và phấn khởi của bà cụ Tứ đã hiện rõ trên khuôn mặt khắc khổ, u ám, buồn bã thường ngày của bà. Đặc biệt, niềm vui sướng, hạnh phúc ấy của bà còn được thể hiện rõ nét trong bữa cơm sớm. Mặc dù, bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại, chỉ có “độc một lùm rau chuối thái rối và một đĩa muối ăn với cháo” nhưng dường như cả nhà đều ăn rất ngon lành và vui vẻ. Thêm vào đó, trong bữa cơm sớm, “bà nói toàn chuyện vui, chuyện sung sướng về sau này”. Tất cả những điều đấy phải chăng đều xuất phát từ niềm vui, niềm hạnh phúc không xiết ở trong bà và bà cụ Tứ đã gieo vào lòng con lòng lạc quan, yêu đời, khát khao sống và niềm tin về một ngày mai tươi sáng, tốt đẹp hơn.

Có thể nói, tâm lí nhân vật bà cụ Tứ đã được Kim Lân miêu tả một cách hợp lí, phù hợp với logic phát triển tâm lí của nhân vật: từ ngạc nhiên, không hiểu tới hiểu và hiểu ra bao cơ sự. Đồng thời, từ tâm lí nhân vật bà cụ Tứ chứng tỏ Kim Lân là nhà văn rất am hiểu về tâm lí nhân vật, dường như, ông đã nhập mình vào nhân vật để cảm nhận và nói hộ những sắc thái tình cảm, những diễn biến tâm lí phức tạp và đầy suy tư, trăn trở trong sâu thẳm lòng mình của nhân vật.